

Bản án số: 52/2020/HS-ST
Ngày 27-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chinh.

Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/HSST-QĐ ngày 31/07/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HS ngày 03/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, Sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không; Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Hà Mỹ, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Văn L (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950; Có vợ là Tăng Thị L, sinh năm 1989; Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị truy nã ngày 26/3/2018, đến ngày 01/02/2020, bị cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện LN, tỉnh BG

Ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã TL, huyện LN, tỉnh BG.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Thân Văn Dũng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);

- Ông Thân Văn Lợi – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (có mặt);

Bị hại:

- Chị Dương Thị Minh A, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện LN, tỉnh BG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Ánh:

+ Bà Giáp Thị Huế – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);

+ Bà Thân Thị Thúy Vân – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện LN, tỉnh BG.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị N2, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện LN, tỉnh BG.

- Ông Nguyễn Đoan L, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện LN, tỉnh BG

Người làm chứng:

- Anh Đặng Văn C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện LN, tỉnh BG.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện LN, tỉnh BG.

- Anh Ngô Xuân N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã C, huyện LN, tỉnh BG bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ- F70. Bản thân Năm không có giấy phép lái xe mô tô nhưng Năm đã đi làm và tự mua xe mô tô nhãn hiệu Jiulong màu sơn đỏ biển kiểm soát 98N7-2247 để làm phương tiện đi lại. Vào ngày 06/11/2017, Năm

điều khiển xe mô tô biển số 98N7-2247 đi làm thuê ở khu vực đóc Sần, thôn H, xã C, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi làm xong việc, Năm điều khiển xe mô tô đi đến thôn 6, xã P, huyện LN để tiếp tục bốc hàng thuê.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Năm điều khiển xe mô tô đi đến Km12 + 150, Quốc lộ 31 khu vực ngã tư Cầu Lồ, xã P thì nhìn thấy phía trước có xe mô tô 98L4-0640 đi cùng chiều do chị Nguyễn Thị X, sinh ngày 13/11/2000, trú tại thôn M, xã L, huyện LN, tỉnh BG điều khiển chở theo sau là chị Dương Thị Minh A, sinh ngày 30/10/2000 ở cùng thôn đang rẽ sang trái về đường đi UBND xã L, huyện LN (xe của Xoan có xi nhan rẽ trái). Do Năm không giảm tốc độ, không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, không nhường đường cho xe của chị X đang rẽ trái mà điều khiển xe vượt phía bên trái xe của chị X. Khi Năm điều khiển xe mô tô vượt ngang xe của chị X thì thấy có xe ô tô đi ngược chiều đang đi đến nên Năm đánh lái sang phải để tránh dẫn đến xe của Năm va chạm với xe mô tô 98L4-0640 do chị Nguyễn Thị X điều khiển. Hậu quả làm cả hai xe mô tô đổ ra đường, chị X, chị A và Năm đều bị thương phải đi Bệnh viện cấp cứu.

Ngay sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Lực lượng cảnh sát giao thông-Công an huyện Lục Nam đã tiến hành khám nghiệm hiện trường ban đầu. Xác định vụ việc tai nạn trên là nghiêm trọng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam. Cảnh sát giao thông Công an huyện Lục Nam đã chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam điều tra theo quy định. Sau khi tiếp nhận vụ tai nạn giao thông trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Công an xã P đã tiến hành dựng lại hiện trường điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật. Kết quả dựng lại hiện trường đều phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường của Lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện Lục Nam.

Kết quả khám nghiệm hiện trường

Hiện trường và quá trình khám nghiệm hiện trường được tiến hành theo hướng từ Lục Nam đi TP Bắc Giang. Hiện trường là khu vực ngã tư, giao nhau giữa đường Quốc lộ 31 với đường liên xã đi từ thôn Phương Lạn 6, xã P đi UBND xã Lan Mẫu (Km 12+ 150 Quốc lộ 31). Mặt đường Quốc lộ 31 dải bê tông- nhựa thẳng, có dốc hướng lên rộng 5,85m, lề đất bên phải rộng 4,3m, lề đất bên trái rộng 3,6m; đường nhánh vào thôn 6, xã P rộng 4,7m, đường nhánh vào UBND xã Lan Mẫu rộng 4,3m. Trước khu vực ngã tư về hai hướng Lục Nam, TP Bắc Giang có biển báo hiệu đường bộ số 207a “Giao nhau với đường không ưu tiên về hai phía”. Tại mặt đường Quốc lộ 31 phát hiện:

- Xe mô tô biển kiểm soát 98L4-0640 đổ nghiêng bên phải, đầu xe hướng Lục Nam, đuôi xe hướng TP Bắc Giang. Trục bánh trước cách mép đường trái 0,73m, trục bánh sau cách mép đường trái 0,52m.

- Xe mô tô biển kiểm soát 98N4-2247 ở trạng thái đứng, đầu xe hướng Lục Nam, đuôi xe hướng TP Bắc Giang, trục bánh trước cách mép đường trái 01m và cách trục bánh sau xe mô tô biển kiểm soát 98L4-0640 là 0,5m, trục bánh sau cách mép đường trái 1,05m.

- Hệ thống dấu vết cày xước, dạng đứt quãng, ký hiệu X1, hướng Lục Nam-TP Bắc Giang kích thước (15,5 x 1,3)m, điểm đầu cách mép đường trái 3,5m, điểm cuối vết cách mép đường trái 0,62m.

- Hệ thống dấu vết cày xước, ký hiệu X2, hướng Lục Nam- TP Bắc Giang kích thước (3,3 x 0,4)m, điểm đầu cách mép đường trái 2,2m và cách điểm đầu vết cày xước X1 là 13,2m, điểm cuối vết cách mép đường trái 1,52m.

- Dấu vết máu, ký hiệu M, kích thước (0,4 x 0,3)m, tâm vết cách mép đường trái là 0,26m, cách trục bánh sau xe mô tô 98N7-2247 là 0,43m và cách trục bánh sau xe mô tô 98L4-0640 là 0,87m.

- Dấu vết dầu loang kích thước (01 x 0,9)m. Tâm vết cách mép đường trái 1,05m và cách trục sau xe mô tô 98N7-2247 là 0,53m.

- Dấu vết máu kích thước (0,4 x 0,3)m. Tâm vết cách mép nhựa trái là 26cm; cách trục sau xe mô tô 98N7- 2247 là 43cm.

Kết quả khám nghiệm phương tiện

Kết quả khám xe mô tô biển kiểm soát 98L7-0640:

- Vành bánh sau cong vênh, biến dạng theo hướng từ trái sang phải.

- Mặt ngoài hộp xích bên trái có vết rách, cong vênh, trượt xước kim loại, dính chất màu đen, tạo thành các đường song song (dạng cao su), hướng từ sau ra trước, từ trái sang phải, trên diện (48x22)cm, tâm vết cách đất 35cm, vị trí đầu vết rách kích thước (7,5 x 1,8)cm.

- Giảm sóc sau bên trái có vết chùn cong, trượt xước kim loại, dính chất màu đỏ (dạng sơn), hướng từ sau về trước, kích thước (21 x 0,3)cm, điểm thấp nhất cách đất 30cm.

- Bật khuyết cấp xe bên trái.

- Gãy khuyết để chân sau bên trái.

- Đầu ngoài tay phanh bên phải có vết trượt xước kim loại, kích thước (01x 01)cm. Đầu ngoài tay nắm phải có vết rách, vỡ cao su, nhựa, kích thước (04x3,8)cm. Để chân trước bên phải có vết mòn vệt cao su, kim loại, kích thước (4,2x04)cm. Để chân sau bên phải có vết trượt xước kim loại, kích thước (03x 01)cm.

- Mặt ngoài ống xả có vết trượt xước kim loại, kích thước (03 x 1,5)cm.

- Mặt ngoài bảo vệ yên xe bên phải có vết trượt xước kim loại, dính chất màu đỏ, kích thước (06 x 02)cm.

Kết quả khám xe mô tô, biển kiểm soát 98N7-2247:

- Vỡ khuyết chắn bùn bánh trước, đèn pha, đèn xi nhan trước, ốp nhựa đầu xe, cánh yếm phải.

- Vành bánh trước bị cong vênh biến dạng, hướng vào tâm bánh.

- Mặt ngoài má lốp bánh trước bên phải có vết rách tại vị trí cách chữ “A” trong dòng chữ “KENDA”, kích thước (04 x 04)cm.

- Hai giảm sóc trước bị chùn cong theo hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái.

- Mặt trước, đầu dưới giảm sóc trước và ốc vít trục bánh trước bên phải có vết hằn lõm, trượt xước kim loại, hướng từ trước ra sau, kích thước (06 x 05)cm tâm vết cách đất 30cm.

- Đầu ngoài tay nắm bên phải có vết mòn vẹt kim loại, hướng từ trước ra sau, kích thước (03 x 2,5)cm.

- Đầu để chân sau bên phải có vết trượt xước kim loại, cao su, kích thước (4,2 x 4,2)cm.

- Bảo vệ yên xe bên phải có vết trượt xước nhựa, kích thước (12 x 03)cm.

- Mặt ngoài ốp ống xả bên phải có vết bẹp lõm, trượt xước kim loại, kích thước (4,2 x 1,3)cm.

Ngày 16/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định cơ chế hình thành dấu vết trên phương tiện, xác định vị trí xảy ra va chạm, tốc độ của phương tiện khi xảy ra va chạm. Tại kết luận giám định số 1841/KL-PC54 ngày 29/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

- Dấu vết gãy, vỡ, rách, trượt xước nhựa, kim loại dính chất màu đỏ ở bên trái của xe mô tô 98L4-0640 gồm: hộp xích, giảm sóc sau, để chân sau, cốp xe được hình thành do va chạm với dấu vết vỡ, rách, hằn lõm, trượt xước kim loại, sơn nhựa ở bên phải của xe mô tô 98N7-2247 gồm: chắn bùn bánh trước, vành bánh trước, giảm sóc trước, ốc vít trục bánh trước tạo nên là phù hợp.

- Vị trí va chạm giữa xe mô tô 98L4-0640 và xe mô tô 98N7-2247 trên mặt đường ở phía trước điểm đầu hệ thống dấu vết cày xước ký hiệu X1, thuộc phần đường bên phải theo hướng Lục Nam- TP Bắc Giang.

- Không có đủ cơ sở để xác định tốc độ của các phương tiện khi xảy ra tai nạn.

Ngày 11/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Lục Nam đối với tài sản bị thiệt hại đối với xe mô tô BKS 98N7-2247 và xe mô tô BKS 98L4-0640. Tại kết luận định giá tài sản ngày 14/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố

tung hình sự huyện Lục Nam, kết luận: Xe mô tô BKS 98N7-2247 giá trị tài sản là 2.570.000 đồng; xe mô tô BKS 98L4-0640 giá trị tài sản là 4.800.000 đồng.

Ngày 17/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang giám định xác định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của Dương Thị Minh A và Nguyễn Thị X.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 8098/18/TgT, ngày 25/01/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Bắc Giang, kết luận; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Dương Thị Minh A là 78% (bảy tám phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 8099/18/TgT, ngày 24/01/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Bắc Giang, kết luận; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Nguyễn Thị X là 31% (Ba một phần trăm).

Ngày 04/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định tâm thần đối với bị can Nguyễn Văn N: Tại kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 07/KLGĐ ngày 04/3/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía bắc, kết luận:

+ Nguyễn Văn N, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã C, huyện LN, tỉnh BG bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ- F.70 (Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần hành vi).

+ Tại thời điểm gây tai nạn giao thông ngày 06/11/2017, Nguyễn Văn N bị bệnh Chậm phát triển tâm thần nhẹ, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

+ Hiện tại Nguyễn Văn N bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Văn N và gia đình đã đến thăm hỏi và tự nguyện bồi thường cho chị A số tiền 6.000.000 đồng. Đại diện gia đình chị A yêu cầu người có lỗi bồi thường số tiền 193.000.000 đồng đối với việc chị A khám, điều trị tại Bệnh viện. Đại diện gia đình chị X là bố đẻ ông Nguyễn Đoàn L không yêu cầu Năm phải bồi thường gì.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên

Tại phiên tòa ngày 31/7/2020, bị hại là chị Dương Thị Minh A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị N2 thay đổi yêu cầu bồi thường dân sự cụ thể, chị A và bà N2 chị yêu cầu các khoản sau:

- Tiền thuê xe đi viện từ Bắc Giang – Việt Đức và từ Việt Đức – Bắc Giang là 10.000.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần của chị A với mức 40 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng = 59.600.000 đồng;

- Tiền mất thu nhập của người nuôi chị A trong thời gian nằm viện là 106 ngày x 250.000 đồng/ngày = 26.500.000 đồng;

- Tiền thuốc điều trị cho chị A sau khi ra viện (nộp cho Tòa án trước khi xét xử) 5.449.000 đồng

- Tiền chi phí nuôi chị A trong thời gian nằm viện 46 ngày x 300.000 đồng/ngày = 13.800.000 đồng.

Tổng tiền là 115.349.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Dương Thị Minh A vắng mặt, bà Nguyễn Thị Năm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị N1 là người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn N xác định bị cáo hiện đang ở cùng bà, trong quá trình chung sống bà, bị cáo N có đi làm và có đưa tiền phụ giúp với bà trong sinh hoạt và bị cáo đã tự bỏ tiền do bị cáo làm được ra mua xe máy để đi, bà cũng khuyên bảo bị cáo N là không có bằng lái xe không được điều khiển xe máy tham gia giao thông nhưng bị cáo N không nghe dẫn đến sự việc tai nạn xảy ra. Về trách nhiệm dân sự do bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu bà đề nghị HĐXX xem xét miễn trách nhiệm dân sự cho bị cáo vì gia đình thuộc hộ cận nghèo không có tiền để bồi thường, bị cáo lại bị tâm thần nhẹ, gia đình chỉ có hai mẹ con nương tựa vào nhau.

Cáo trạng số 38/CT-VKSLN ngày 27/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2020 đến ngày 04/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 BLDS

Chấp nhận yêu cầu bồi thường dân sự của bị hại là chị Dương Thị Minh A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị N2, cụ thể:

- Tiền thuê xe đi bệnh viện: 10.000.000 đồng;
- Tiền tổn thất tinh thần của chị A với mức 40 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng = 59.600.000 đồng;
- Tiền mất thu nhập của người nuôi chị A trong thời gian nằm viện là 106 ngày x 250.000 đồng/ngày = 26.500.000 đồng;
- Tiền thuốc điều trị cho chị A sau khi ra viện (nộp cho Tòa án trước khi xét xử) 5.449.000 đồng
- Tiền chi phí nuôi chị A tại bệnh viện trong thời gian 46 ngày x 300.000 đồng/ngày = 13.800.000 đồng.

Tổng số tiền 115.349.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe máy BKS 98N7-2247 do Nguyễn Văn N mua làm phương tiện đi lại.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Về tội danh của bị cáo N thì người bào chữa đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên, tuy nhiên về mức hình phạt thì người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, và áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt với mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Trong vụ án này các bên bao gồm bị cáo và bị hại là chị Nguyễn Thị X đều có lỗi. Bị cáo không có giấy phép lái xe, điều khiển xe đi với tốc độ nhanh và gây tai nạn. Còn chị X chưa đủ tuổi để điều khiển xe dung tích xi lanh trên 50 cm³, chưa có giấy phép lái xe nên đề nghị HĐXX xem xét buộc chị Nguyễn Thị X phải đứng ra bồi thường cho bị hại Dương Thị Minh A với tính mức bồi thường 1/3 so với bị cáo N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có ý kiến tranh luận: Đồng tình với bản luận tội của Kiểm sát viên về mức hình phạt, bồi thường và không đồng ý với tranh luận của người bào chữa cho bị cáo vì, đối với mức bồi thường của gia đình bị cáo cho bị hại Ánh là 6.000.000 đồng và trong quá trình bị hại Ánh nằm viện và điều trị tại gia đình thì gia đình bị cáo không có thăm hỏi và hỗ trợ cho gia đình bị hại Ánh do đó không đồng ý áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo N và không đồng ý áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo N.

Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Không đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS vì mức bồi thường của gia đình bị cáo N đối với bị hại chưa đảm bảo mức $\frac{1}{2}$ số tiền gia đình bị hại Ánh phải chi trả điều trị cho bị hại Ánh hơn nữa việc có áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS hay không do HĐXX xem xét và cân nhắc, còn Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm là không áp dụng, còn về việc xác định lỗi như người bào chữa cho bị cáo N đưa ra, Viện kiểm sát bác bỏ ý kiến này, vì trong vụ án này lỗi hoàn toàn do bị cáo N gây ra, bị cáo điều khiển xe mô tô đi nhanh, vượt khi có chướng ngại vật và đánh lái sang phải và đâm vào xe chị X, còn việc chị X điều khiển xe không có giấy phép lái xe và xe có dung tích xi lanh trên 50 cm³ tuy nhiên việc chị X tham gia giao thông đảm bảo về an toàn giao thông, việc chị X sử dụng xe có dung tích xi lanh trên 50 cm³ đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị N1 người đại diện theo pháp luật của bị cáo N: Bà N1 không đồng ý liên đới bồi thường với bị cáo N, bà đề nghị HĐXX xem xét miễn trách nhiệm dân sự cho bị cáo N.

Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người bị hại là chị Dương Thị Minh A, chị Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc

xét xử. Căn cứ vào, Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Văn N là người bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi, Năm không có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định của pháp luật. Khoảng 11 giờ 30 ngày 06/11/2017, Năm điều khiển xe mô tô BKS 98N7-2247 ra ngã tư Cầu Lò, Quốc lộ 31 thuộc địa phận thôn 6, xã P, huyện LN, tỉnh BG để bốc gỗ thuê. Cùng thời gian này, chị Nguyễn Thị X sinh ngày 13/11/2000, trú tại thôn Muối, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô BKS 98L4-0640 chở phía sau chị Dương Thị Minh A sinh ngày 30/10/2000 ở cùng thôn đang đi phía trước cùng chiều với Năm, chị X có bật xi rẽ trái và chuyển hướng rẽ sang trái về đường đi UBND xã L, huyện LN. Do Năm không chú ý quan sát, không giảm tốc độ và không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, vượt xe phía trước không đảm bảo an toàn dẫn đến xe của Năm va chạm với xe mô tô do chị Nguyễn Thị X điều khiển chở sau là chị Dương Thị Minh A. Hậu quả làm 02 xe mô tô đổ ra đường, chị Nguyễn Thị X bị thương tích 31% sức khỏe và chị Dương Thị Minh A bị thương tích 78% sức khỏe.

Hành vi điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông của Nguyễn Văn N đã vi phạm khoản 9 Điều 8; khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 4 Điều 14 của Luật giao thông đường bộ.

Như vậy, Nguyễn Văn N khi thực hiện hành vi phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tội và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo bị truy tố, xét xử ngày hôm nay với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội: Bởi lẽ bị cáo không tuân thủ các qui định về an toàn giao thông đường bộ, hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng trong lĩnh vực giao thông đường bộ nói chung mà còn xâm hại sức khỏe của bị hại Dương Thị Minh A và Nguyễn Thị X. Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, phương tiện liên quan và các tài liệu thu thập được, thì đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Văn N không

có giấy phép lái xe, Năm điều khiển xe mô tô BKS 98N7-2247 không chú ý quan sát, không giảm tốc độ và không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, vượt xe phía trước không đảm bảo an toàn dẫn đến xe của Năm va chạm với xe mô tô do chị Nguyễn Thị X điều khiển chở sau là chị Dương Thị Minh A đang xi nhan rẽ trái sang đường. Hậu quả làm 02 xe mô tô đổ ra đường, chị Nguyễn Thị X bị thương tích 31% sức khỏe và chị Dương Thị Minh A bị thương tích 78% sức khỏe. Do vậy lỗi gây ra tai nạn hoàn toàn thuộc về bị cáo. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật và cũng để răn đe phòng ngừa tội phạm xảy ra.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo bị bệnh tâm thần nhẹ F70, hạn chế khả năng nhận thức, hạn chế hành vi, tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị N1 có tham gia dân công hỏa tuyến được nhà nước khen thưởng nên cần áp dụng điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn N. HĐXX thấy: Gia đình bị cáo N đã đứng ra bồi thường cho chị Dương Thị Minh A số tiền 6.000.000 đồng ngoài ra bị cáo N và gia đình chưa bồi thường cho chị A khoản tiền nào khác, so với chi phí thực tế chị A phải bỏ ra trong quá trình nằm viện điều trị thì chưa đủ căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo N mà chỉ được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định mức hình phạt 18-24 tháng tù. HĐXX xét thấy mức hình phạt người bào chữa cho bị cáo N đưa ra là nhẹ chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi do bị cáo N gây ra cho bị hại nên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa, HĐXX xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đảm bảo

tính rắn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị đưa ra xét xử hay bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào, bản thân bị cáo có bệnh tâm thần, hạn chế năng lực hành vi và khả năng nhận thức.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án HĐXX xét thấy cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo với mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là chị Nguyễn Thị X không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị hại là chị Dương Thị Minh A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 115.349.000 đồng.

HĐXX xét thấy :

Đối với yêu cầu về chi phí thuê xe đưa bị hại Ánh từ bệnh viện Bắc Giang đi bệnh viện Việt Đức và từ bệnh viện Việt Đức về Bắc Giang và từ bệnh viện Bắc Giang về nhà với 06 lượt đi về với số tiền là 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần của chị A với mức yêu cầu là 40 tháng lương tối thiểu, HĐXX thấy: Chị A bị thương 78%, hiện tại chị A vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, đầu óc lúc nhớ, lúc quên do đó yêu cầu mức bồi thường tổn thất tinh thần là 40 tháng lương cơ sở là có căn cứ chấp nhận theo Điều 584, Điều 590 BLDS

Đối với yêu cầu bồi thường của người nuôi chị A trong thời gian nằm viện và trong thời gian điều trị tại nhà là 106 ngày mỗi ngày mất thu nhập là 250.000 đồng. Qua xác minh tại địa phương của chị A sinh sống thì mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông tại xã Lan Mẫu là từ 250.000 đồng – 300.000 đồng/ngày. Do đó, mức yêu cầu 250.000 đồng của bà Dương Thị N2 là có căn cứ chấp nhận theo Điều 590 BLDS

Đối với tiền mua thuốc điều trị cho chị A sau này có hóa đơn nộp cho Tòa án tổng hợp là 5.449.000 đồng có căn cứ chấp nhận theo Điều 590 BLDS.

Đối với tiền chi phí hỗ trợ cho chị A trong thời gian nằm viện 46 ngày với mức 300.000 đồng/ngày, HĐXX thấy mức yêu cầu này của bị hại là cao không phù hợp với thực tế, mà chỉ có thể chấp nhận mức chi phí là 150.000 đồng/ngày x 46 ngày = 6.900.000 đồng.

Tổng yêu cầu bồi thường thiệt hại được chấp nhận là 108.449.000 đồng.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên buộc bà Nguyễn Thị N1 liên đới cùng bị cáo bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, HĐXX thấy: Bị cáo trước khi bị cáo bị khởi tố thì bị cáo vẫn đi làm và tự nuôi được bản thân và đóng góp kinh tế cho mẹ bị cáo trong quá trình sinh hoạt, bị cáo đã trên 18 tuổi, hơn nữa bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi ở thể nhẹ F-70, trước khi bị khởi tố bị cáo chưa bị Tòa án tuyên bố hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi và chưa được chỉ định người giám hộ, nên căn cứ vào Điều 73, Điều 74 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc mình bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là **108.449.000 đồng** là phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô BKS 98N7-2247 là xe của bị cáo N mua dùng làm phương tiện đi lại là tang vật của vụ án căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự căn tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Trong vụ án này, Nguyễn Thị X khi tham gia giao thông chưa đủ 18 tuổi để điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh trên 50cm³ và chưa có giấy phép lái xe theo quy định, quá trình điều tra xác định Xoan tự ý lấy xe mô tô của gia đình để chở Dương Thị Minh A dẫn đến Nguyễn Văn N gây tai nạn giao thông cho Ánh và Xoan. Bản thân Xoan điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông không có lỗi gây tổn hại cho sức khỏe của chị A, Xoan cũng bị tổn thương cơ thể 31 %. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị X là lỗi vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 60 Luật giao thông đường bộ nên Công an huyện Lục Nam đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Xoan theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Đoàn L (bố đẻ Nguyễn Thị X) là chủ sở hữu xe mô tô BKS 98L4-0640, ngày 06/11/2017, ông L để xe mô tô ở nhà đi làm, không biết Xoan đã tự ý lấy xe mô tô đi học nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam không đề cập xử lý. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn N thuộc hộ cận nghèo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Dương Thị Minh A thuộc hộ nghèo nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bồi thường không được HĐXX chấp nhận là 6.900.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự

năm 2015; Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Nguyễn Văn N 03 năm tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; khoản 3 Điều 586; Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho chị Dương Thị Minh A số tiền là **108.449.000** đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất 10% quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 BKS 98N7-2247 là xe của bị cáo N mua dùng làm phương tiện đi lại là tang vật của vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí HSST và DSST.

Chị Dương Thị Minh A không phải chịu án phí DSST.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Chính – Nguyễn Hữu Thái

Đặng Công Định